

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/HS-ST
Ngày: 12-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường
2. Bà Nguyễn Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2020/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Võ Thành Đ, tên gọi khác: Nhí, sinh năm 1997 tại Sóc Trăng. ĐKTT: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1980; bản thân chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 19/9/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, đến ngày 10/12/2018 chấp hành xong hình phạt, chưa xóa án tích; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2020 cho đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đ: Ông Thái Thanh H – Văn phòng Luật sư Thái Thanh H – Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương (có mặt).

- Bị hại:

1. Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1967

ĐKTT: Ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Long An (có mặt).

2. Phạm Ngọc D, sinh năm 1992

ĐKTT: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

3. Lê Kim P, sinh năm 1995

ĐKTT: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

4. Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1988

ĐKTT: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Phạm Ngọc D, Lê Kim P, Phạm Thị Ngọc D: Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1967*

ĐKTT: Ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 01/8/2020 và ngày 04/8/2020) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Thị Hải Y, sinh năm 1978

ĐKTT: Số 11 D3 V, H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Tạm trú: Số 301B đường A, phường D, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1974

ĐKTT: Số 55/2A đường H, ấp 5, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 10/3/2020, Võ Thành Đ đang ở khách sạn T, địa chỉ số 301B, đường A, Phường D, quận V, TP. HCM thì có B (không rõ họ tên và địa chỉ) là bạn của Đ gọi điện thoại rủ Đ đi trộm cắp tài sản chia nhau tiêu xài, thì Đ đồng ý. Đến 10 giờ cùng ngày, B điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đến khách sạn Thùy Linh, Đ dẫn xe mô tô của B vào trong bãi xe của khách sạn đậu, Đ lấy xe mô tô biển số 59Z1- 48419 của Nguyễn Thị Hải Y (bạn của Đ) điều khiển chở B đi tìm tài sản trộm cắp. Khi đến khu vực huyện Bình Chánh, TP. HCM thì B chuyển qua điều khiển xe chở Đ đến cuối đường trong khu dân cư Phú An thuộc Ấp A, xã T, huyện B thì dừng xe lại. B kêu Đ đứng canh chừng bên ngoài còn B đi vào nhà bà Nguyễn Thị Kim A địa chỉ số M19, đường 11, khu dân cư Phú An, Ấp A, xã T, huyện B để tìm tài sản lấy trộm. B trèo qua lan can tầng 1, đập bể kính cửa ra vào tầng 1 rồi mở cửa vào bên trong nhà trộm tài sản, cụ thể như sau:

B vào phòng bà Nguyễn Thị Kim A lấy trộm một số nữ trang vàng Đ cất trong tủ quần áo, gồm: 01 vòng đeo tay có đính hột đá màu xanh, trọng lượng 05 chỉ 18k; 01 vòng đeo tay trọng lượng 02 chỉ 18k; 01 vòng đeo tay, trên đá có đính nhiều hình khác nhau trọng lượng 03 chỉ 18k; 03 nhẫn cà rá có đính hột trắng trọng lượng 03 chỉ 18k; 01 đôi bông tay có đính hột trắng trọng lượng 01 chỉ 18k; 01 đôi bông tay trọng lượng 0,8 chỉ 18k; 01 mặt dây chuyền hình nốt nhạc trọng lượng 0,8 chỉ 18k; 01 mặt dây chuyền hình trái tim trọng lượng 0,5

chỉ 18k. Tổng trọng lượng số vàng bà Âu bị trộm là 16,1 chỉ vàng 18k. B tiếp tục vào phòng chị Phạm Thị Ngọc D (con gái bà Âu) lấy trộm một số nữ trang vàng được cất trong tủ quần áo gồm: 01 vòng đeo tay có đính hột bằng đá trọng lượng 05 chỉ 18k; 02 lắc đeo tay có đính hình ngôi sao, mặt trắng trọng lượng 05 chỉ 18k; 03 nhẫn có đính hột đá trọng lượng 03 chỉ 18k; 04 nhẫn kiểu trọng lượng 03 chỉ 18k; 01 dây chuyền không mặt trọng lượng 01 chỉ 18k; 01 kiềng chân bé có đính chuông 01 chỉ 18k; 01 nhẫn cưới trọng lượng 01 chỉ 18k. Tổng trọng lượng số vàng chị Diễm bị lấy trộm là 19 chỉ vàng 18k. B tiếp tục vào phòng anh Phạm Ngọc D (con trai bà Âu) và vợ Lê Kim P lấy trộm một số vàng nữ trang, gồm: 01 sợi dây chuyền dạng đẹp trọng lượng 03 chỉ vàng 24 k; 01 sợi dây chuyền dạng xích tròn cùng mặt trọng lượng 06 chỉ 24k; 01 sợi dây chuyền dạng xích trọng lượng 02 chỉ 18k; 01 chiếc vòng (kiềng) đeo cổ trọng lượng 02 chỉ 24k; 01 đôi bông tai dạng hoa mai trọng lượng 01 chỉ 24k; 01 lắc tay dạng hoa mai trọng lượng 03 chỉ 24k; 01 vòng đeo tay có mặt đính đá màu trắng trọng lượng 2,5 chỉ 18k; 01 nhẫn cưới trọng lượng 0,5 chỉ 18k; 01 nhẫn nam có đính hột trọng lượng 0,5 chỉ 18k; 01 sợi dây chuyền sợi xích hình mặt phật trọng lượng 1,5 chỉ 18k; 01 sợi dây chuyền dạng móc xích trọng lượng 1,5 chỉ 18k; 05 vòng tay trẻ em tổng trọng lượng 5 chỉ 18k; 03 chiếc bông tai trọng lượng 01 chỉ 18k. Tổng trọng lượng số vàng anh Duy và chị Phụng bị lấy trộm là 15 chỉ 24k và 14,5 chỉ vàng 18k.

Sau khi lấy tài sản xong, B trèo ngược trở ra ngoài, đi bộ lại gặp Đ rồi điều khiển xe mô tô biển số 59Z1- 48419 chở Đ về TP. HCM. Trên đường đi B có lấy số nữ trang trộm cấp được đưa cho Đ xem và đến đường Nguyễn Văn Linh thì B kêu Đ ngồi quán nước đợi B mang vàng đi bán để chia nhau tiền tiêu xài. Khoảng 02 giờ sau thì B quay lại gặp và nói với Đ biết bán số nữ trang trộm cấp được số tiền khoảng 90.000.000đ. B chia cho Đ 40.000.000đ rồi Đ và B cùng nhau đi về lại khách sạn Thùy Linh. Đ vào lên phòng, còn B lấy xe mô tô đậu trong bãi xe trước đó bỏ đi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, anh Duy đi làm về thì phát hiện nhà bị trộm tài sản nên trình báo công an huyện Bến Lức. Ngày 13/3/2020, Đ bị cơ quan Công an mời làm việc và khai nhận hành vi phạm tội của mình, Đ đã giao nộp số tiền 40.000.000đ là tiền bán vàng trộm cấp được và 60.000.000đ tiền của Đ tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả. Tất cả tài sản bị trộm không thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐG ngày 07/4/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Bến Lức, định giá:

- 01 vòng trọng lượng 5 chỉ 18k trị giá 12.650.000đ.
- 01 vòng trọng lượng 2 chỉ 18k trị giá 5.060.000đ.
- 01 lắc trọng lượng 3 chỉ 18k trị giá 7.590.000đ.
- 03 nhẫn cà rá trọng lượng 3 chỉ 18k trị giá 7.590.000đ.
- 02 đôi bông tai trọng lượng 1,8 chỉ 18k trị giá 4.554.000đ.
- 02 mặt dây chuyền trọng lượng 1,3 chỉ 18k trị giá 3.289.000đ.

- 01 vòng trọng lượng 5 chỉ 18k trị giá 12.650.000đ.
- 02 lắc đeo tay trọng lượng 5 chỉ 18k trị giá 12.650.000đ.
- 03 nhẫn đeo tay trọng lượng 3 chỉ 18k trị giá 7.590.000đ.
- 04 nhẫn đeo tay trọng lượng 3 chỉ 18k trị giá 7.590.000đ.
- 01 dây chuyền trọng lượng 1 chỉ 18k trị giá 2.530.000đ.
- 01 kiềng chân trọng lượng 1 chỉ 18k trị giá 2.530.000đ.
- 01 nhẫn cưới trọng lượng 1 chỉ 18 k trị giá 2.530.000đ.
- 01 sợi dây chuyền trọng lượng 3 chỉ vàng 24 k trị giá 13.110.000đ.
- 01 sợi dây chuyền trọng lượng 6 chỉ 24k trị giá 26.220.000đ.
- 01 sợi dây chuyền trọng lượng 2 chỉ 18k trị giá 5.060.000đ.
- 01 chiếc kiềng đeo cổ trọng lượng 2 chỉ 24k trị giá 8.740.000đ.
- 01 đôi bông tai trọng lượng 1 chỉ 24k trị giá 4.370.000đ.
- 01 lắc tay trọng lượng 3 chỉ 24k trị giá 13.110.000đ.
- 01 vòng đeo tay trọng lượng 2,5 chỉ 18k trị giá 6.325.000đ.
- 01 nhẫn cưới trọng lượng 0,5 chỉ 18k trị giá 1.265.000đ.
- 01 nhẫn trọng lượng 0,5 chỉ 18k trị giá 1.265.000đ.
- 01 sợi dây chuyền có mặt trọng lượng 1,5 chỉ 18k trị giá 3.795.000đ.
- 01 sợi dây chuyền không mặt trọng lượng 1,5 chỉ 18k trị giá 3.795.000đ.
- 05 vòng tay trẻ em tổng trọng lượng 5 chỉ 18k trị giá 12.650.000đ.
- 03 chiếc bông tai trọng lượng 1 chỉ 18k trị giá 2.530.000đ.

Tổng giá trị tài sản là: 191.038.000đ.

Tại Cáo trạng số 74/CT-VKSBL ngày 25-6-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Võ Thành Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Võ Thành Đ hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Võ Thành Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 như cáo trạng của viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp lại số tiền 100.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, có ông ngoại Nguyễn Văn Mực tham gia cách mạng, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Võ Thành Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Võ Thành Đ từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Do hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với việc Võ Thành Đ lấy xe mô tô biển số 59Z1- 48419 của Nguyễn Thị Hải Y làm phương tiện sử dụng đi trộm cắp tài sản, thì Yến không biết, nên Cơ quan Điều tra Công an huyện Bến Lức không xử lý là phù hợp.

Đối với tên B do Đ khai đi cùng và trực tiếp thực hiện trộm cắp tài sản nhưng chỉ có chứng cứ là lời khai duy nhất của Đ không có cơ sở xác minh lý lịch người tên B, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức đã tách vụ án theo quyết định tách vụ án hình sự số 03 ngày 10/6/2020 tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu bị cáo Đ bồi thường giá trị số vàng bị mất trộm là 40.733.000đ; chị Phạm Thị Ngọc D yêu cầu bị cáo Đ bồi thường giá trị số vàng bị mất trộm là 48.070.000đ; vợ chồng anh Phạm Ngọc D và chị Lê Kim P yêu cầu bị cáo Đ bồi thường giá trị số vàng bị trộm là 102.235.000đ, tại phiên tòa bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường cho các bị hại số tiền trên. Xét thấy sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận. Tổng cộng số tiền bị cáo Đ phải bồi thường cho bà Âu, chị Diễm, anh Duy, chị Phụng là 191.038.000 đồng.

Đề nghị tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000.000đ bị cáo nộp bồi thường khắc phục hậu quả để đảm bảo thi hành án (hiện chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ).

Về vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 59Z1- 48419 thuộc sở hữu của Nguyễn Thị Hải Y hiện Cơ quan Điều tra Công an huyện Bến Lức đã trả lại xe cho chị Yên là phù hợp.

- Tiền Việt Nam: 100.000.000đ do Võ Thành Đ giao nộp. Đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án

- 01 (một) vỏ hộp bánh khoai tây lát hiệu Slide xét thấy không có giá trị sử dụng nên đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ).

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ có ý kiến phát biểu:

Về tội danh: Viện kiểm sát truy tố hành vi của bị cáo Đ về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên không tranh luận.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò của bị cáo Đ trong vụ án, bị cáo Đ không trực tiếp lấy tài sản, chỉ là người giúp sức chở B đi và canh giới, không phải là người chủ mưu cầm đầu, do bị rủ rê; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo để vụ án sớm được điều tra và đưa ra xét xử theo quy định, bị cáo ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp lại số tiền 100.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục một phần hậu quả; gia đình bị cáo có ông ngoại là thương binh hạng 2/8; bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử bị cáo mức án nhẹ hơn Kiểm sát viên đề nghị để cho bị cáo sớm về lo cho gia đình.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa, bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại chị Phạm Thị Ngọc D, anh Phạm Ngọc D và chị Lê Kim P vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Kim A có mặt và xét thấy những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Bản kết luận định giá tài sản, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định xuất phát từ lòng tham lam, động cơ mục đích vụ lợi vào khoảng 10 giờ ngày 10/3/2020, tên B (không rõ họ tên và địa chỉ) điều khiển xe mô tô biển số 59Z1- 48419 chở Võ Thành Đ từ Tp. HCM đến nhà bà Nguyễn Thị Kim A địa chỉ số M19, đường 11, Khu dân cư P, Ấp A, xã T, huyện B thì dừng xe, B kêu Đ đứng bên ngoài cánh giới để B lén lút đột nhập vào lan can tầng 1, đập bể kính cửa ra vào tầng 1 rồi mở cửa vào bên trong nhà bà Âu lấy trộm một số nữ trang vàng, cụ thể: vào phòng bà Âu lấy trộm 16,1 chỉ vàng 18k của bà Nguyễn Thị Kim A trị giá 40.733.000đ; vào phòng chị Phạm Thị Ngọc D lấy trộm 19 chỉ vàng 18k trị giá 48.070.000đ; vào phòng vợ chồng anh Phạm Ngọc D và chị Lê Kim P lấy trộm 15 chỉ 24k và 14,5 chỉ vàng 18k trị giá 102.235.000đ. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 191.038.000đ. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do bị cáo đoạt tài sản trị giá 191.038.000đồng thuộc tình tiết định khung trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 nên Cáo trạng Viện kiểm sát huyện Bến Lức truy tố bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[3] Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, bị cáo đã lén lút lấy chiếm đoạt tài sản, bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự địa phương. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của vụ án cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp lại số tiền 100.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục một phần hậu quả, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, có ông ngoại là thương binh hạng 2/8, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định, xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo có điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với việc Võ Thành Đ lấy xe mô tô biển số 59Z1- 48419 của Nguyễn Thị Hải Y làm phương tiện sử dụng đi trộm cắp tài sản, thì Yên không biết, nên Cơ quan Điều tra Công an huyện Bến Lức không xử lý là phù hợp nên không xét đến.

Đối với tên B do Được khai đi cùng và trực tiếp thực hiện trộm cắp tài sản nhưng chỉ có chứng cứ là lời khai duy nhất của Đ không có cơ sở xác minh lý lịch người tên B, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức đã tách vụ án theo quyết định tách vụ án hình sự số 03 ngày 10/6/2020 tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ, xử lý sau là phù hợp nên không xét đến.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bà Nguyễn Thị Kim A yêu cầu bị cáo Đ bồi thường giá trị số vàng bị mất trộm là 40.733.000đ; chị Phạm Thị Ngọc D yêu cầu bị cáo Đ bồi thường giá trị số vàng bị mất trộm là 48.070.000đ; vợ chồng anh Phạm Ngọc D và chị Lê Kim P yêu cầu bị cáo Đ bồi thường giá trị số vàng bị trộm là 102.235.000đ. Tổng số tiền bà Âu, chị Diễm, anh Duy và chị Phụng yêu cầu bị cáo Đ bồi thường là 191.038.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Đ đồng ý tự nguyện bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim A, chị Phạm Thị Ngọc D, anh Phạm Ngọc D và chị Lê Kim P tổng số tiền là 191.038.000 đồng. Xét thấy việc thoả thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật. Do đó, áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và bị hại. Bị cáo Võ Văn Đ có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim A, chị Phạm Thị Ngọc D, anh Phạm Ngọc D và chị Lê Kim P tổng số tiền 191.038.000 đồng nhưng khấu trừ số tiền 100.000.000đ bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức để bồi thường khắc phục hậu quả, bị cáo còn phải nộp bồi thường tiếp số tiền 91.038.000 đồng để bồi thường cho các bị hại.

[8] Về vật chứng:

- 01 xe mô tô biển số 59Z1- 48419 thuộc sở hữu của Nguyễn Thị Hải Y hiện Cơ quan Điều tra Công an huyện Bến Lức đã trả lại xe cho chị Yên là phù hợp.

- Tiền Việt Nam: 100.000.000đ do Võ Thành Đ giao nộp, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 (một) vỏ hộp bánh khoai tây lát hiệu Slide xét thấy không có giá trị sử dụng nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ).

[9] Về án phí: Bị cáo Võ Thành Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ Thành Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Võ Thành Đ 03 (năm) tù, thời gian tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 13-3-2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Thành Đ trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 12-8-2020 để đảm bảo kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Võ Thành Đ và các bị hại Nguyễn Thị Kim A, Phạm Thị Ngọc D, Phạm Ngọc D, Lê Kim P: Bị cáo Võ Thành Đ có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim A số tiền 40.733.000đồng, bồi thường cho chị Phạm Thị Ngọc D số tiền 48.070.000đồng và bồi thường cho vợ chồng anh Phạm Ngọc D và chị Lê Kim P số tiền 102.235.000đồng. Tổng cộng là 191.038.000đồng. Bị cáo Đ đã nộp 100.000.000đồng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, do đó bị cáo Đ còn phải nộp tiếp số tiền còn lại là 91.038.000đồng (chín mươi một triệu, không trăm ba mươi tám nghìn đồng) để bồi thường cho các bị hại.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) vỏ hộp bánh khoai tây lát hiệu Slide
- Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000.000đ bị cáo nộp để đảm bảo thi hành án

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/6/2020).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Võ Thành Đ phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm 4.551.900đồng (bốn triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hùng Cường